

BÁO CÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện
dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2020**

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 14 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 và Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 14 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn10.000 tỷ đồng.
- + Thu nội địa 9.250 tỷ đồng.
- + Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 750 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP)10.977,2 tỷ đồng.
- + Thu cân đối NSDP 10.029 tỷ đồng.
- + Thu NSTW bổ sung CTMTQG, CTMT, nhiệm vụ:..... 948,2 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương11.123,5 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSDP:10.175,3 tỷ đồng.
- + Chi các CTMTQG, CTMT, nhiệm vụ:948,2 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách.....146,3 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2020 như sau:

I. Về thu NSNN: Tổng thu NSNN trên địa bàn 7.261,6 tỷ đồng, đạt 72,6% dự toán, giảm 0,2% cùng kỳ. Nếu không kể khoản thu tiền bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Bộ Tài chính hoàn trả 307,4 tỷ đồng thì ước thực hiện 9 tháng năm 2020 là 6.954,1 tỷ đồng, đạt 69,5% dự toán, giảm 4,4% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa: 6.139,8 tỷ đồng, đạt 66,4% dự toán, tăng 1,4% cùng kỳ;
- Thu xuất nhập khẩu: 814,3 tỷ đồng, đạt 108,6% dự toán, giảm 33,5% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố: (Chi tính thu nội địa)

- Khối tỉnh: 4.444,2 tỷ đồng, đạt 66,2% dự toán, tăng 1,1% cùng kỳ;
- Khối huyện: 1.695,6 tỷ đồng, đạt 66,7% dự toán, tăng 2,2% cùng kỳ.

II. Về chi NSDP: Tổng chi NSDP 7.774,7 tỷ đồng, đạt 69,9% dự toán, tăng 28,3% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi:

- Chi cân đối NSDP: 6.661 tỷ đồng, đạt 65,5% dự toán, tăng 30,6% cùng kỳ, trong đó: Chi đầu tư phát triển 2.904,3 tỷ đồng, đạt 88,2% dự toán, tăng 62,4 % cùng kỳ; Chi thường xuyên 3.733,4 tỷ đồng, đạt 62,7% dự toán, tăng 13,2% cùng kỳ.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 999,5 tỷ đồng, đạt 105,4% dự toán, tăng 12,3% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố:

- Khối tỉnh: 3.621,5 tỷ đồng, đạt 53,7% dự toán;
- Khối huyện: 4.153,2 tỷ đồng, đạt 94,9% dự toán.

III. Cân đối thu, chi NSDP

1. Tổng thu NSDP.....10.282,7 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết 6.039,6 tỷ đồng;
- Thu bổ sung từ NSTW 1.675,5 tỷ đồng;
- Thu chuyển nguồn năm trước sang..... 2.565,7 tỷ đồng;
- Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách..... 1,9 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP7.774,7 tỷ đồng.

- Chi cân đối NSDP 6.661 tỷ đồng;
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ..... 999,5 tỷ đồng;
- Chi tạm ứng ngân sách..... 114,3 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2).....2.508 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 1.429,4 tỷ đồng;
- Ngân sách huyện, xã 1.078,6 tỷ đồng.

IV. Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 9 tháng năm 2020

1. Kết quả đạt được

a) Về thu ngân sách: Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán. Có 07/16 khoản thu đạt từ 75% trở lên so với dự toán (trong

đó có 02 khoản thu vượt dự toán), cụ thể như sau: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 87,6% dự toán, tăng 47,2% cùng kỳ; Thuế thu nhập cá nhân đạt 76,4% dự toán, tăng 15,9% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 116% dự toán, tăng 60% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 75,9% dự toán, giảm 23,8% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 6.171,3% dự toán, tăng 8.070% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt khá 87,7% dự toán, tăng 11,7% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 108,6% dự toán, giảm 33,5% cùng kỳ; Có 3/9 huyện, thị xã, thành phố đạt trên 75% dự toán, gồm: Huyện Dương Minh Châu, Gò Dầu, Tân Biên.

b) Về chi ngân sách: Chi ngân sách địa phương đạt 69,9% dự toán, thấp so tiến độ dự toán (thấp hơn 75% dự toán) nhưng các nhiệm vụ chi ngân sách cơ bản đảm bảo theo đúng dự toán được giao, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định; trong đó: Chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối đạt 88,2% dự toán, nguyên nhân đạt cao chủ yếu do phần lớn có số giải ngân tạm ứng XDCB từ nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020; Chi thường xuyên, có một số khoản chi đạt và vượt so với tiến độ dự toán như: Chi đảm bảo xã hội đạt 107,1% dự toán, tăng 40,1% cùng kỳ chủ yếu do chi hỗ trợ tiền Tết Canh Tý năm 2020 phát sinh vào đầu năm và các huyện, thị xã, thành phố chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo Nghị Quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ; Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 105,4% dự toán, tăng 12,3% cùng kỳ.

2. Khó khăn, hạn chế:

a) Về thu ngân sách: Có 9/16 khoản thu chưa đạt tiến độ do ảnh hưởng của dịch Covid-19, dưới 75% so với dự toán. Nguyên nhân chủ yếu là do trong 9 tháng đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp ảnh hưởng rất lớn đến tình hình phát triển kinh tế xã hội, ngoài ra, một số khoản thu thuế giảm lớn so dự toán do thực hiện chính sách gia hạn nộp thuế theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và hỗ trợ người nộp thuế theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ, cụ thể: Thu từ DNNN đạt 46,6% dự toán, giảm 45,1% cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 60,1% dự toán, giảm 12,1% cùng kỳ; Lệ phí trước bạ đạt 55,3% dự toán, giảm 19,1% cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 55,2% dự toán, giảm 14,5% cùng kỳ; Thuế bảo vệ môi trường đạt 68,1% dự toán, giảm 2,1% cùng kỳ; Phí và lệ phí đạt 53,2% dự toán, giảm 18,6% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 16% dự toán, giảm 37,8% so cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 70,9% dự toán, tăng 27,2% cùng kỳ; Các khoản thu tại xã đạt 56,2% dự toán, giảm 94,2% cùng kỳ.

b) Về chi ngân sách: Chi thường xuyên, ngoài lĩnh vực đạt cao so dự toán là đảm bảo xã hội, thì các lĩnh vực còn lại chưa đạt tiến độ dự toán, trong đó: sự nghiệp kinh tế đạt 52,8% (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp 26,2%; sự nghiệp lâm nghiệp 34,9%; sự nghiệp giao thông 72,7%; sự nghiệp kiến thiết thị chính 72,2% và sự nghiệp kinh tế khác 20,8%); sự nghiệp môi trường 51,9%; sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 59,9%; sự nghiệp y tế: 55,2%; sự nghiệp văn hóa thông



tin: 59,7%; sự nghiệp phát thanh truyền hình: 44%; sự nghiệp thể dục thể thao: 37,7%; sự nghiệp KH-CN: 36,2%; quản lý hành chính: 66,4%. Nguyên nhân chủ yếu là do: Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong 9 tháng đầu năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương hạn chế chi hội nghị, công tác phí, không tổ chức các lễ hội, kỷ niệm, hội chợ (trong đó Trung tâm xúc tiến thương mại không thực hiện được do bộ, ngành trung ương và các tỉnh thành chưa tổ chức hội chợ, triển lãm),...; Một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình,... chưa triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra. Ngoài ra, một số Đề án, chương trình, kế hoạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp triển khai thực hiện các vật tư phải xây dựng kế hoạch triển khai đấu thầu qua mạng nên có chậm so với tiến độ (như: Dự án sơ chế, sản xuất rau an toàn, Hỗ trợ chứng nhận VietGAP trên cây ăn quả); Công tác đo đạc lập bản đồ địa chính đăng ký đất đai tại huyện Tân Biên còn vướng thủ tục nghiệm thu phần đăng ký đất đai tại cấp xã (như thu thập các loại giấy tờ hồ sơ pháp lý liên quan của người sử dụng đất, tình hình giải quyết tranh chấp, bồi thường...) nên chưa kịp giải ngân.

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2020./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CBTH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- LĐVP; KTTTC;
- Lưu: VT. VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 371/BC-UBND ngày 13/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	ƯỚC THỰC HIỆN 09 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.000.000	7.261.593	72,6%	99,8%
I	Thu cân đối NSNN	10.000.000	7.261.593	72,6%	99,8%
1	Thu nội địa	9.250.000	6.447.251	69,7%	106,5%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	750.000	814.342	108,6%	66,5%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	11.123.500	7.774.738	69,9%	128,3%
I	Chi cân đối NSDP	10.175.508	6.660.980	65,5%	130,6%
1	Chi đầu tư phát triển	3.293.720	2.904.342	88,2%	162,4%
2	Chi thường xuyên	5.952.978	3.733.381	62,7%	113,2%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.420	410	28,9%	60,3%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
5	Dự phòng ngân sách	200.580	0	0,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	948.192	999.478	105,4%	112,3%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GÓC				



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 09 THÁNG NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 371/BC-UBND ngày 13/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	ƯỚC THỰC HIỆN 09 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.000.000	7.261.593	72,6%	99,8%
I	Thu nội địa	9.250.000	6.447.251	69,7%	106,5%
1	Thu từ khu vực DNNN	531.000	247.561	46,6%	54,9%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	851.000	745.405	87,6%	147,2%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.850.000	1.111.488	60,1%	87,9%
4	Thuế thu nhập cá nhân	900.000	687.237	76,4%	115,9%
5	Thuế bảo vệ môi trường	670.000	456.224	68,1%	97,9%
6	Lệ phí trước bạ	440.000	243.205	55,3%	80,9%
7	Thu phí, lệ phí	570.000	303.289	53,2%	81,4%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.440.000	644.070	44,7%	99,8%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.000	7.176	55,2%	85,5%
-	Thu tiền sử dụng đất	408.000	473.437	116,0%	160,0%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.019.000	163.457	16,0%	62,2%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	22.775	75,9%	76,2%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	5.000	308.563	6171,3%	9070,0%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.700.000	1.491.181	87,7%	111,7%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	1.123	56,2%	5,8%
13	Thu khác ngân sách	261.000	185.130	70,9%	127,2%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	750.000	814.342	108,6%	66,5%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	697.000			
2	Thuế xuất khẩu	1.000			
3	Thuế nhập khẩu	42.000			
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	10.000			
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	8.645.277	6.039.636	69,9%	109,4%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%				

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 371/BC-UBND ngày 13/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP				
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.123.500	7.774.738	69,9%	128,1%
I	Chi đầu tư phát triển	10.175.508	6.660.980	65,5%	130,6%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.293.720	2.904.342	88,2%	162,4%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	3.211.920	2.858.761	89,0%	161,4%
3	Chi đầu tư phát triển khác	81.600	45.581	55,9%	260,0%
II	Chi thường xuyên	5.952.978	3.733.381	62,7%	113,2%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.372.831	1.422.375	59,9%	104,4%
2	Chi khoa học và công nghệ	37.750	13.675	36,2%	108,6%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	480.250	265.004	55,2%	113,1%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	95.690	57.121	59,7%	110,2%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	45.360	19.945	44,0%	108,7%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	34.960	13.185	37,7%	88,4%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	144.490	75.060	51,9%	164,7%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	911.800	481.187	52,8%	121,8%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.116.839	741.072	66,4%	109,9%
10	Chi bảo đảm xã hội	308.760	330.614	107,1%	140,1%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.420	410	28,9%	60,3%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000			
V	Dự phòng ngân sách	200.580			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	948.192	999.478	105,4%	112,3%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	230.370	182.846	79,4%	250,7%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	717.822	816.633	113,8%	99,9%
1	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	554.350	740.274	133,5%	102,6%
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	163.472	76.359	46,7%	79,8%